TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2023
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Duy Khải**
Ông Ninh Quốc Hòa

-Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước *tham gia phiên toà:* **Bà Nguyễn Thị Tới** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2023/TLST - HNGĐ ngày 24/02/203 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 20-4-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST ngày 11-5-2023 giữa các đương sự.

**** Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1990. Vắng mặt

**** Bị đơn:*** Ông **Vũ Hải T**, sinh năm 1994. Vắng mặt
Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Hải T chung sống với nhau từ năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P ngày 06/01/2023.

Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Nguyên nhân do ông T không tu chí làm ăn, thường hay chơi bời nhậu nhẹt đến khuya mới về, khi nhậu say ông T hay kiếm chuyện chửi bới và đã đánh bà vài lần. Bản thân bà đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông T không thay đổi nên vợ chồng bà đã sống ly thân nhau từ giữa tháng 01/2023 đến nay,

mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Đến nay tình cảm bà giành cho ông T không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 22/3/2023, Bị đơn ông Vũ Hải T khai như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Phú Riềng ngày 06/01/2023. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có những lúc mâu thuẫn nhưng không quá nghiêm trọng nên ông không đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L được ly hôn với bị đơn ông Vũ Hải T.

Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Nguyễn Thị L làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Vũ Hải T theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do bị đơn ông T có nơi cư trú tại thôn 10, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, bị đơn ông Vũ Hải T vắng mặt tại phiên tòa 02 lần. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo thủ tục chung.

2. Về nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Hải T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Phú Riềng ngày 06/01/2023. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Nguyên đơn bà L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do ông T không tu chí làm ăn, thường hay chơi bời nhậu nhẹt đến khuya mới về, khi nhậu say ông T hay kiếm chuyện chửi bới và đã đánh bà vài lần nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Bị đơn ông T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không quá nghiêm trọng nên không đồng ý ly hôn.

Theo kết quả xác minh tại địa phương thì ông T thường tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, không tu chí làm ăn mặc dù hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Khoảng 01 tháng sau khi cưới, bà L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại thôn 2, xã L, còn ông T vẫn sinh sống tại thôn 10, xã L.

Căn cứ vào lời khai của bà Liều về mâu thuẫn vợ chồng và kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T do ông T không tu chí làm ăn, hay tụ tập bạn bè nhậu nhẹt. Ngay sau khi cưới khoảng 01 tháng (tháng 2/2023) bà L, ông T đã sống ly thân nhau đến nay, vợ chồng mỗi người ở một nơi. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng đinh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2]. *Về con chung:* Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Vũ Hải T.

2/ *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016039 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Bà L đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Hải

Nơi nhận:
- *VKSND H. Phú Riềng;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. Phú Riềng;*
- *UBND xã L, huyện PR;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*